

Bản án số 154/2021/DS-PT

Ngày 03/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8921/2021/QĐPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1955; nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã Tân H, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn An C, xã Nghĩa A, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Anh Ph - Công ty luật TNHH Anh Ph, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Đào Thị Th1, sinh năm 1966; nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã Tân H, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc Ch và luật sư Nguyễn Thanh T - Công ty luật TNHH MTV Investco, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; Vắng mặt luật sư Ch; luật sư có mặt, luật sư T vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1959; nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã Tân H, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X Ông Hà Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn An C, xã Nghĩa A, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Ông Bùi Ngọc Ph1, sinh năm 1960; nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã Tân H, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Tr - Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án, ông Nguyễn Quang V trình bày:

Thửa đất hiện vợ chồng ông, bà đang ở có nguồn gốc là đất tập thể, trước đây vợ chồng ông Ng tự dựng quán bán hàng (quán vách đất, lợp rạ), khoảng năm 1987 khi ông Ng không có nhu cầu sử dụng nên bán lại gian quán cho vợ chồng ông. Việc mua, bán giữa hai bên không có giấy tờ vì lúc đó đất vẫn của tập thể.

Năm 1991, Đảng uỷ - Hội đồng nhân dân xã Tân H có nghị quyết giao đất cho các hộ dân tại khu vực chân cầu Rằm, có thu tiền 1.000.000 đồng/1m mặt đường 17a (nay là đường 37a - trong bản án dùng 17a). Gia đình ông, bà nộp 4.000.000 đồng, được mua 4m mặt đường, chính là vị trí gian quán ông mua lại của ông Ng. Khoảng năm 1990-1992 vợ chồng ông bà phá gian quán của ông Ng, xây nhà ống mái bằng, lán phía trước và công trình phụ phía sau. Hiện các công trình này đều đã phá dỡ. Hoá đơn, chứng từ liên quan đến việc nộp tiền mua đất, ông bà không còn lưu giữ.

Năm 2000 gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại tờ bản đồ số 5, số thửa 165; chiều mặt đường 17a = 4m; chiều phía sau giáp đất tập thể = 3,9m; cạnh giáp ông Hoà và cạnh giáp bà Th1 đều = 26m.

Năm 2017 gia đình ông bà phá nhà cũ để chuẩn bị xây nhà mới thì phát hiện hộ liền kề là gia đình bà Th1 lấn chiếm đất của ông bà; gia đình bà Th1 quây tôn trên phần đất của ông bà nên chiều mặt đường và chiều phía sau đất của ông bà đều bị thiếu. Qua nhiều lần trình bày, ông bà xác định phần diện tích đất bị thiếu có chiều mặt đường 17a = 0,14m, phía sau giáp đất tập thể = 0,52m; cạnh giáp phần đất còn lại của ông = 26m; cạnh giáp đất bà Th1 = 23,6m, diện tích = 7,6m². Ông đề nghị Toà án giải quyết buộc gia đình bà Th1 phải trả lại diện tích đất nói trên.

Căn cứ đề ông, bà khởi kiện đòi đất bà Th1 vì diện tích đất của ông không đủ so với GCNQSDĐ; trên phần đất gia đình bà Th1 đang quây tôn hiện vẫn còn

tồn tại một số dấu vết công trình đó là phần đầu (10cm) của hai bậc hè, một phần tường nằm phía dưới tường lán của bà Th1.

Đối với phần tường lán của bà Th1 xây chồng lên bức tường bao của ông bà là do khi xây tường lán, bà Th1 có đặt vấn đề xây nhờ bức tường lán được ông bà đồng ý.

Đồng thời ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho bà Đào Thị Th1 năm 2002 vì ông được biết quy trình cấp GCNQSDĐ cho bà Th1 có nhiều sai sót, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông, lúc đầu đất của bà Th1 có chiều mặt đường 17a = 5m, có tài liệu lại xác định 5,19m, khi cấp GCNQSDĐ thì chiều mặt đường 17a = 6m. Ông bà không chấp nhận yêu cầu của bà Th1 đề nghị Toà án huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho ông, bà ngày 05/12/2003.

Anh Hà Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà X: nhất trí ý kiến của ông V, bà X. Xác định việc ông V có đơn khởi kiện buộc gia đình bà Th1 phải trả cho gia đình ông V 7,6m² đất lấn chiếm, đồng thời yêu cầu Toà án huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho bà Th1 năm 2002 là có căn cứ. Đối với yêu cầu của bà Th1 đề nghị huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho ông V là không có căn cứ nên đề nghị Toà án không chấp nhận.

Bị đơn bà Đào Thị Th1 và ông Bùi Ngọc Ph1 trình bày:

Thửa đất hiện ông, bà đang sử dụng tại khu vực chân cầu Ràm thuộc địa phận thôn 2, xã Tân H, huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc là đất tập thể, gia đình ông Nguyễn Văn Ph2 là người đầu tiên tự ra làm quán bán hàng (2 gian quán xây lợp ngói và 2 gian xây bằng sang cửa, công trình phụ). Năm 1991, UBND xã Tân H có Nghị quyết về việc bán đất cho các hộ dân ở khu vực chợ chân cầu Ràm, có thu tiền 1.000.000 đồng/1m mặt đường quốc lộ 17a, chiều sâu 20m. Gia đình ông Ph2 đã nộp 3.100.000 đồng tiền mua đất, sau đó ông Ph2 không có nhu cầu ở thửa đất đó nên nhượng lại cho gia đình bà. Ngày 22/8/1991, hai bên có viết giấy nhượng tài sản, bà đã nộp tiếp số tiền 1.900.000 đồng, cùng ngày UBND xã Tân H xác nhận bà và ông Ph2 đã nộp tiền đất là 5.000.000 đồng và cử ông Bùi Văn T1 là cán bộ địa chính xã Tân H ra đo đạc để bàn giao đất cho gia đình bà. Khi đo đạc ông T1 xác định móng công trình của ông Ph2 xây lợp ra hai bên, đo cả chân móng thì chiều mặt đường 17a = 5,19m nhưng do bà và ông Ph2 nộp 5.000.000 đồng nên ông T1 chỉ xác nhận cho bà phía đông, phía Tây = 5m; phía Nam, phía Bắc = 20m; số tiền còn thiếu 190.000 đồng tương đương với 0,19m đất mặt đường, năm 1993 UBND xã Tân H đã ban hành thông báo gửi cho bà, do thời điểm này bà vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện được.

Sau khi nộp tiền mua đất cho UBND xã Tân H năm 1991, bà không sử dụng ngay vì bà không có mặt tại địa phương, các công trình trên đất của ông Ph2 bà để nguyên trạng. Năm 1997, bà chuyển về Tân H sinh sống, khi làm thủ tục xây nhà, bà đề nghị và được UBND xã Tân H chấp nhận, bà đã nộp 1.710.000 đồng tiền san lấp ao phía sau thửa đất đồng thời bà nộp 190.000 đồng tiền đất thiếu từ năm 1991, cộng hai khoản = 1.900.000 đồng. Tất cả các lần bà nộp tiền đều có chứng từ, hoá đơn, hiện bà vẫn còn lưu giữ đầy đủ những người nhận tiền, viết phiếu thu làm chứng.

Khi chuẩn bị đào móng, xây nhà, gia đình bà tự kiểm tra, đo đạc đất thì thấy một số công trình như đầu bậc hè, tường bao của ông V xây sang đất của bà Hai bên có trao đổi và gia đình ông V đã tự phá dỡ các công trình đó để trả lại mặt bằng cho gia đình bà. Tại thời điểm gia đình ông V phá dỡ các công trình, hai bên vui vẻ, hoà thuận nên bà chủ quan không yêu cầu gia đình ông V đào hết móng. Sau đó bà xây tường lán đề lên phần tường, tường bao đề lên đầu bậc hè của ông V từ năm 1997 và sử dụng ổn định cho đến nay.

Năm 2000 bà được cấp GCNQSDĐ lần đầu nhưng do GCNQSDĐ ghi nhầm tên Đào Thị The, ghi sai diện tích (do bà đã nộp tiền vượt lập đất phía sau), sai kích thước cạnh mặt đường 17a nên bà đã đề nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa nội dung, năm 2002 bà được cấp lại GCNQSDĐ mang tên Đào Thị Th1. Tuy nhiên GCNQSDĐ cấp năm 2002 cũng có sai sót, cụ thể trong GCNQSDĐ ghi chiều mặt đường 17a = 6m là không đúng mà phải là 5,19m, ngay sau khi nhận được GCNQSDĐ bà đã có đơn đề nghị UBND xã Tân H cấp lại đúng diện tích, kích thước cạnh bà được sử dụng nhưng chưa được giải quyết.

Bà không chấp nhận yêu cầu đòi đất vì bà không lấn chiếm đất của gia đình ông V, bà đã thực hiện đủ nghĩa vụ tài chính với UBND xã Tân H để được sử dụng 5,19m đất mặt đường 17a, dài 20m và phần vượt lập ao phía sau. Hiện gia đình bà không thừa đất. Bà xác định không mượn đất của gia đình ông V để xây dựng công trình kiên cố.

Đối với yêu cầu của ông V hủy GCNQSDĐ của gia đình bà, bà nhất trí vì bản thân bà nhận thấy GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương cấp cho gia đình bà năm 2002 cũng có sai sót. Bà đề nghị Tòa án xem xét hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho vợ chồng ông V năm 2003 vì có sai sót, sửa chữa về số liệu; diện tích đất cấp cho ông V chồng lấn sang đất của gia đình bà làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

Anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Ngọc Ch là người đại diện theo ủy quyền của bà Th1, ông Ph1: Nhất trí quan điểm của bà Th1, ông Ph1. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc đòi 7,6m² đất của gia đình bà Th1 vì không có căn cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th1 về việc

hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho ông V, bà X năm 2003.

UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương xác định:

Thửa đất của gia đình ông V, bà Th1 hiện đang tranh chấp có nguồn gốc là thung vũng của tập thể. Trước năm 1990 người dân trong khu vực tự ra dựng quán bán hàng. Năm 1991 UBND xã Tân H ban hành nghị quyết về việc bán đất khu vực chợ cầu Rằm, có thu tiền sử dụng đất là trái thẩm quyền.

Hồ sơ bán đất thu tiền năm 1991 do UBND xã Tân H lưu giữ. Hồ sơ về đất đai đối với hai thửa đất này gồm: Bản đồ địa chính đo đạc năm 1999 bằng phương pháp bình độ ảnh; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập năm 1999 và danh sách đề nghị cấp GCNQSDĐ.

Năm 2000 ông V, bà Th1 được UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương cấp GCNQSDĐ. Do GCNQSDĐ của cả hai gia đình ông V, bà Th1 đều có sai sót nhầm lẫn nên ngày 20/4/2002 bà Th1 được cấp lại GCNQSDĐ 180m² đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 10. Ngày 05/12/2003 ông V được cấp lại GCNQSDĐ 102m² đất tại thửa số 165, tờ bản đồ số 5.

Quá trình sử dụng đất, đăng ký biến động về đất đai, 02 GCNQSDĐ của ông V, bà Th1 có sự tẩy xóa, sửa chữa, ghi bỏ sung kích thước cạnh và diện tích. Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hai hộ có nhiều sai sót. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông V, bà Th1 là chồng lẫn lộn nhau nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét hủy 02 GCNQSDĐ mà UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương đã cấp cho ông V, bà Th1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 106, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự; Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V về việc buộc gia đình bà Đào Thị Th1 phải trả lại diện tích 7,6m² đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V: Hủy GCNQSDĐ UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương cấp cho bà Đào Thị Th1 ngày 20/4/2002.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Th1: Hủy GCNQSDĐ UBND huyện Ninh Gi, tỉnh Hải Dương cấp cho ông Nguyễn Quang V và bà Đỗ Thị X ngày 05/12/2003.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Quang V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ủy quyền cho luật sư bảo vệ cho mình trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ về việc gia đình bà Th1 có đất chiều rộng theo mặt đường 5,19m là không khách quan và đầy đủ xác định việc thu thêm tiền và giao thêm đất cho bà Th1 năm 1997 là áp dụng không đúng quy định của pháp luật. Từ đó đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông V và hủy GCNQSDĐ của gia đình ông V là làm thiệt hại đến quyền lợi của họ. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện, buộc gia đình bà Th1 phải trả lại phần đất hiện đang rào tôn lấn chiếm của gia đình ông V.

Bị đơn bà Đào Thị Th1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th1 không nhất trí với nội dung kháng cáo, không nhất trí với quan điểm của ông V và của luật sư bảo vệ cho ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận: Sau khi nghe lời trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ; tuy quá trình giải quyết theo yêu cầu phản tố của bà Th1 tòa án có thiếu sót nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án cần kiến nghị để rút kinh nghiệm. Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ lời trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Quang V phù hợp về nội dung và hình thức nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa không có đương sự nào xuất trình thêm tài liệu nào mới.

UBND huyện Ninh Gi, Hải Dương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang V:

[2.1] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nguồn gốc diện tích đất ở của gia đình ông V và gia đình bà Th1 (hiện đang có tranh chấp về ranh giới) đều là đất công do UBND xã quản lý; một số hộ

dân đã tự ra san lấp dựng quán bán hàng từ trước; trong đó có gia đình ông Ng và gia đình ông Ph2 làm quán bán hàng sát nhau. Việc năm 1987 ông Ng bán gian quán vách đất, mái lá cho gia đình ông V hai bên không làm giấy tờ mua bán; năm 1990 ông V phá bỏ quán này để xây nhà mái bằng, bể nước, công trình phụ trên toàn bộ phần đất đã mua mà không có tranh chấp gì với gia đình ông Ph2. Sau đó gia đình ông V khai đã nộp tiền để hợp thức hóa đất đó cho UBND xã theo đơn giá 1.000.000 đồng/1m mặt đường; ông V sử dụng 04m nên đã nộp đủ 04 triệu đồng; đến năm 2003 gia đình ông V đã được cấp GCNQSDĐ mà không hề có tranh chấp với gia đình nhà ông Ph2 và sau này là gia đình nhà bà Th1.

Việc năm 1990 - 1991 thì gia đình ông Ph2 mới bán lại gian quán trên đất của ông Ph2 cho gia đình bà Th1; việc mua bán có báo UBND xã và UBND xã đã có phiếu biên nhận tiền hợp thức hóa đất cho gia đình bà Th1 cũng theo giá 1.000.000 đồng/1m mặt đường (theo phiếu ông Ph2 đã nộp 3.100.000 đồng, bà Th1 nộp 1.900.000 đồng). Ngày 22/8/1991 ông Bùi Văn T1 là cán bộ địa chính xã đã ra thực địa chứng kiến và đo đạc giao đất trên có quán bán hàng xây tường lợp ngói của ông Ph2 cho gia đình bà Th1 đã ghi rõ “phía Đông 5m, phía Tây 5m, phía Nam 20m, phía Bắc 20m”. Như vậy chỉ có căn cứ xác định năm 1991 thì UBND xã chỉ thu tiền hợp thức và giao cho bà Th1 chiều ngang thửa đất là 5m. Khi đó thì ông V đã xây nhà mái bằng cùng công trình trên đất mà không có tranh chấp gì. Đến năm 1997 thì gia đình bà Th1 mới thực tế về ở trên đất đã mua và cũng không có tranh chấp với gia đình ông V.

Việc cả hai gia đình tuy đã được cấp GCNQSDĐ nhưng đều không có hồ sơ địa chính, sơ đồ giao đất bản gốc khi bàn giao đất trên thực địa; GCNQSDĐ được cấp đều không đúng kích thước, số thửa do cơ quan có thẩm quyền làm sai sót đã được UBND huyện Ninh Gi thừa nhận.

Thực tế đến năm 2017 khi ông V dỡ nhà cũ và công trình phụ để xây nhà kiên cố thì bà Th1 mới rào bao chiếm dẫn đến tranh chấp, nay ông V khởi kiện yêu cầu bà Th1 trả lại phần đã bao chiếm đó.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định lại theo yêu cầu của bà Th1. Tại Biên bản thẩm định ngày 20/6/2019 đã ghi “trên phần đất có tranh chấp có một đoạn tôn do gia đình bà Th1 dựng và một hồ do gia đình ông V tự đào để xác định phần chân móng của bể cũ (gia đình ông V không yêu cầu định giá) Việc thẩm định có sơ đồ kèm theo...” nhưng không thể hiện móng bể cũ đó do ai xây và xây từ thời điểm nào.

Tại Biên bản thẩm định ngày 08/4/2019 thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành thẩm định, đo đạc diện tích đất của hai bên và các tài sản trên đất, trong đó có cả phần tài sản nằm trên phần đất có tranh chấp nhưng chưa được làm rõ tài sản đó (móng và tường cũ đè lên phần móng nhà là do ai xây dựng, xây thời điểm nào, khi xây có tranh chấp hay không?). Tại phiên tòa sơ thẩm bà Th1 khai xác định

“năm 1997 tôi xây dựng toàn bộ công trình kiên cố trên đất, tôi thừa nhận có xây chồng lên mấy bậc hè và phần chân móng tường, sau khi ông V phá nhà mái bằng để xây công trình phía sau... thì tôi mới quay tôn phía trên để bảo vệ đất chứ phía dưới tôi đã xây tường kiên cố từ 1997”. Do đó, chưa có căn cứ xác định tường, hoặc móng của đó do ai xây nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông V là chưa có căn cứ vững chắc, việc thẩm định, giám định về thời điểm xây dựng, loại vật liệu xây dựng để xác định tài sản đó do ai xây trước và có tranh chấp hay không mới là căn cứ vững chắc khi giải quyết vụ án, tại cấp phúc thẩm không có điều kiện làm rõ được.

Đối với việc gia đình bà Th1 xuất trình biên lai năm 1997 UBND xã tự ý thu thêm của bà Th1 190.000 đồng nội dung để giao thêm cho bà thu 19cm đất mặt đường cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ về vị trí đất giao thêm, lý do giao thêm và nếu thu thì có đúng quy định của Luật đất đai năm 1993 về thẩm quyền giao đất hay không.

Mặt khác về tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông V; ngày 14/5/2019 bà Th1 mới có “Đơn đề nghị” có nội dung yêu cầu hủy GCNQSDĐ của gia đình ông V. Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo và yêu cầu bà Th1 đi nộp tạm ứng án phí nhưng đã thụ lý yêu cầu này và đã giải quyết hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Ninh Gi cấp cho gia đình ông V từ năm 2003 là không đúng quy định tại Điều 200 và 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân nhận định trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định.

Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang V; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xác định Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng lại đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V; Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học